

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CR
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/DS-ST
Ngày: 27/4/2021
V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CR – TỈNH KHÁNH HÒA

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Hay
Các Hội thẩm nhân dân:
 1. Ông Phan Văn Hoạt
 2. Bà Phạm Thị Thúy
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Mai Nữ Thanh Hương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố CR, tỉnh Khánh Hòa.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố CR tham gia phiên tòa:* Không có.

Ngày 27 tháng 4 năm 2021, tại Tòa án nhân dân thành phố CR, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 178/2020/TLST- DS ngày 10 tháng 11 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2021/QĐXX-ST ngày 10/3/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2021/QĐST-DS ngày 07/4/2021; giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị Bích Th**, sinh năm: 1963

Nơi cư trú: Thôn B, xã C, huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Minh T, sinh năm: 1985; Nơi cư trú: 18 Nguyễn Lương B, phường C, thành phố CR, tỉnh Khánh Hòa.

(Văn bản ủy quyền ngày 02 tháng 11 năm 2020)

Vắng mặt tại phiên tòa.

* *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị Kim Y**, sinh năm: 1973

Nơi cư trú: Thôn B, xã C, thành phố CR, tỉnh Khánh Hòa.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện ngày 26/10/2020, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh T trình bày:*

Ngày 20/6/2020, bà Trần Thị Bích Th có ký hợp đồng cho bà Nguyễn Thị Kim Y có vay số tiền 50.000.000 đồng để giải quyết việc gia đình và thời hạn vay

là 03 tháng tính từ ngày 20/6/2020, lãi suất thỏa thuận miệng là 3%/tháng. Tuy nhiên nhiên đến hạn trả nợ gốc và lãi bà Y không trả tiền cho bà Th.

Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả một lần số tiền gốc 50.000.000 đồng và tiền lãi là $50.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\% \times 04 \text{ tháng} = 3.320.000 \text{ đồng}$.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 05/4/2021, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Minh T thay đổi mức yêu cầu về lãi suất, theo đó bà T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Kim Y phải trả cho nguyên đơn bà Trần Thị Bích Th số tiền gốc 50.000.000 đồng và tiền lãi suất theo mức $50\% \times 1,66\%/tháng \times 50.000.000 \text{ đồng}$ kể từ ngày 20/6/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm.

**Tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị Kim Y vắng mặt và trong suốt quá trình giải quyết vụ án bà Y cũng không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện nguyên đơn.*

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ và đã được thẩm tra tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Nguyên đơn bà Trần Thị Bích Th khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Kim Y có nơi cư trú tại thôn Bình Hưng, xã Cam Bình, thành phố CR, tỉnh Khánh Hòa trả tiền đã vay nên xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”; căn cứ theo khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố CR.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim Y đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, Tòa án căn cứ theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

- Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Minh T vắng mặt, tuy nhiên bà T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Tòa án căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Theo hợp đồng vay tiền lập ngày 20/6/2020 thì nguyên đơn bà Trần Thị Bích Th có cho bị đơn bà Nguyễn Thị Kim Y vay số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng; thời hạn vay là 03 tháng kể từ ngày 20/6/2020; lãi suất hai bên tự thỏa thuận. Sau khi ký hợp đồng, bà Th đã đưa cho bà Y số tiền nói trên. Tuy nhiên, đến thời hạn đã cam kết theo hợp đồng mà bà Y không trả tiền gốc và lãi cho bà Th do đó đã phát sinh quyền khởi kiện của nguyên đơn.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn về số tiền nợ gốc:

Hội đồng xét xử xét thấy, hợp đồng được ký kết ngày 20/6/2020 giữa bà Trần Thị Bích Th và bà Nguyễn Thị Kim Y là có thật và hoàn toàn tự nguyện, xác

định đây là hợp đồng vay có kỳ hạn; bà Th đã thực hiện đúng nghĩa vụ của bên cho vay là giao đúng số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng cho bên vay; tuy nhiên bà Y không thực hiện đúng nghĩa vụ của bên vay là không trả nợ gốc và lãi suất theo đúng thời hạn thỏa thuận, lỗi của việc chậm trả nợ hoàn toàn do bà Y. Do đó, nguyên đơn yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn trả số tiền nợ gốc 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng của nguyên đơn là có căn cứ, đúng với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Đối với yêu cầu về lãi suất:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi theo công thức sau:

Số tiền lãi = $50\% \times 1,66\%/\text{tháng} \times 50.000.000 \text{ đồng} \times \text{thời gian chưa trả nợ gốc}$ (kể từ ngày 20/6/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm).

Nhận thấy, đây là hợp đồng vay có kỳ hạn, khi đến hạn bị đơn không trả lãi cho nguyên đơn. Vì vậy, theo quy định tại Khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự thì ngoài việc trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng, bị đơn còn phải trả tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả, tiền lãi trên nợ lãi chưa trả và tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả. Mặt khác, hợp đồng thể hiện các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, tuy nhiên không xác định rõ lãi suất, trong vụ án này nguyên đơn có yêu cầu bị đơn trả tiền lãi, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự để xác định mức lãi suất. Thời gian chưa trả nợ gốc tính từ ngày 20/6/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là 10 tháng 27 ngày. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về tiền lãi theo cách tính như trên phù hợp với khoản 2 Điều 5 của Nghị quyết 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về cách tính tiền lãi đối với nợ gốc trong hạn và tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả nên có cứ chấp nhận.

Như vậy, số tiền lãi mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn là:

Tiền lãi = $50.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 10 \text{ tháng } 07 \text{ ngày} = 4.395.000 \text{ đồng}$.

[3] Về án phí: Do Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật là $54.395.000 \text{ đồng} \times 5\% = 2.719.750 \text{ đồng}$.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 228, 271, 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Căn cứ vào Điều 357, 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 2; khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Khoản 1 Điều 13, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Bích Th. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Kim Y phải trả cho nguyên đơn bà Trần Thị Bích Th số tiền gốc và lãi tính đến ngày 27/4/2021 là 54.395.000 (*năm mươi bốn triệu ba trăm chín mươi lăm nghìn*) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim Y phải nộp 2.719.750 (*Hai triệu bảy trăm mười chín ngàn bảy trăm năm mươi*) đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Hoàn trả lại cho bà Trần Thị Bích Th 1.333.000 (*Một triệu ba trăm ba mươi ba ngàn*) đồng số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0000945 ngày 05 tháng 11 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố CR.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Quy định:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thành phố CR;
- Chi cục THADS thành phố CR;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Quốc Hay